

Họ và tên học sinh: Mã số học sinh:

Câu 1. Tính chất đặc trưng về cơ học của vật liệu chế tạo cơ khí là :

A. Độ dẻo, độ cứng B. Độ cứng ,độ bền **C. Độ cứng , độ bền ,độ dẻo** D. Độ dẻo, độ bền.

Câu 2. Trong công nghệ chế tạo phôi bằng phương pháp đúc, vật đúc bị nứt tại sao?

A. Do sự chênh lệch nhiệt độ khi dỡ khuôn. C. Do chất liệu để làm khuôn
B. Do vật liệu có tạp chất. D. Do chất liệu vật liệu.

Câu 3: Chuẩn bị mẫu và vật liệu làm khuôn là bước thứ mấy, trong công nghệ chế tạo phôi bằng phương pháp đúc?

A. Bước 1. B. Bước 2 C. Bước 3 D.
Bước 4

Câu 4. Trong công nghệ cắt gọt kim loại, để cắt được vật liệu chuyển động giữa phôi và dao phải?

A. Chuyển động trên cùng một mặt phẳng. **C. Chuyển động tương đối với nhau.**
B. Chuyển động song song với nhau. D. Chuyển động vuông góc với nhau

Câu 5. Mặt trước của dao tiện là mặt :

A. Đối diện với bề mặt đã gia công của phôi B. Đối diện với bề mặt đang gia công của phôi
C. Tiếp xúc với phôi **D. Tiếp xúc với phoi**

Câu 6: Người máy công nghiệp (rôbốt) là một thiết bị tự động hoạt động theo nhằm phục vụ tự động hóa các quá trình sản xuất.

A. đa chức năng, chương trình. B. đơn chức năng, chương trình.
C. đa chức năng, chu trình. D. chương trình, đa chức năng.

Câu 7. ĐCĐT là DC biến đổi

A. Nhiệt năng thành điện năng xảy ra bên ngoài ĐC C. Nhiệt năng thành cơ năng xảy ra bên ngoài ĐC
B. Nhiệt năng thành cơ năng xảy ra bên trong ĐC D. Nhiệt năng thành điện năng xảy ra bên ngoài ĐC.

Câu 8. Thứ tự làm việc của các kì trong chu trình làm việc của động cơ 4 kì là:

A. Nạp, cháy-dẫn nở, nén, thải. B. Nén, nạp, cháy-dẫn nở, thải.
C. Nạp, nén, cháy-dẫn nở, thải. D. Nén, thải, nạp, cháy-dẫn nở.

Câu 9. Tỷ số nén của động cơ là tỉ số:

A. Giữa thể tích toàn phần và thể tích buồng cháy toàn phần B. Giữa thể tích công tác và thể tích toàn phần
C. Giữa thể tích buồng cháy và thể tích toàn phần. D. Giữa thể tích buồng cháy và thể tích công tác.

Câu 10. Trong ĐC 4 kì ở kì nào cả 2 xupap đều đóng.

- A. Nén B. Thải. C. Nén và nạp. **D. Nén và cháy- dẫn nở**

Câu 11. Trong ĐC xăng 2 kì, quá trình lọt khí diễn ra ở thời điểm nào ? .

- A. Từ khi mở cửa thải đến khi mở cửa quyết **B. Từ khi pittong đóng cửa quyết tới khi đóng cửa thải.**
C. Từ khi đóng cửa thải tới ĐCT. D. Từ khi pittong đi từ ĐCD đến ĐCT.

Câu 12. Xecmăng là 1 chi tiết của :

- A. Cơ cấu trục khuỷu- thanh truyền.** B. Hệ thống bôi trơn.
C. Hệ thống làm mát. D. Cơ cấu phân phối khí.

Câu 13. Nhiệm vụ của trục khuỷu là :

- A. Nhận lực từ pittong để tạo momen quay để kéo máy công tác.
B. Nhận lực từ thanh truyền để tạo momen quay kéo máy công tác.
C. Nhận lực từ xilanh để tạo momen quay để kéo máy công tác.
D. Nhận lực từ xecmăng để tạo momen quay để kéo máy công tác

Câu 14: Trong cơ cấu phân phối khí dùng van trượt chi tiết nào đóng vai trò là van trượt ?

- A. Xi lanh B. Trục khuỷu C. Xupap **D. Pittong**

Câu 15: Cơ cấu phân phối khí dùng xupap treo có những chi tiết nào mà cơ cấu dùng xupap đặt không có ?

- A. Trục cam, đĩa đẩy , cò mổ **B. Đĩa đẩy, trục cò mổ, cò mổ**
C. Bánh răng phân phối, con đội, lò xo D. Xupap, nắp máy, trục khuỷu

Câu 16: Bôi trơn bằng phương pháp pha dầu nhớt vào nhiên liệu được dùng ở động cơ nào?

- A. Động cơ 2 kỳ** B. Động cơ Diezen C. Động cơ xăng D. Động cơ 4 kỳ.

Câu 17: Dầu bôi trơn dùng lâu phải thay vì lý do gì?

- A. Dầu bôi trơn bị đông đặc. B. Dầu bôi trơn bị loãng.
C. Dầu bôi trơn bị cạn. **D. Dầu bôi trơn bị bẩn và độ nhớt bị giảm.**

Câu 18: Để tăng tốc độ làm mát nước trong HTLM bằng nước tuần hoàn cưỡng bức, ta dùng chi tiết nào?

- A. Két nước. B. Van hằng nhiệt. **C. Quạt gió.** D. Bơm nước.

Câu 19. Vùng nào trong ĐC cần làm mát nhất?

- A: Vùng bao quanh đường xả khí thải B: Vùng bao quanh cacte
C: Vùng bao quanh buồng cháy D: Vùng bao quanh đường nạp

Câu 20: Ưu điểm của hệ thống phun xăng:

- A. Dễ chỉnh sửa. **C. Động cơ vẫn hoạt động khi xe bị ngã thậm chí bị lật ngược.**
B. Giá thành rẻ. D. Gây ô nhiễm môi trường trầm trọng.

Câu 21: Trong hệ thống cung cấp nhiên liệu trong ĐC Diezen vòi phun sẽ phun tới nhiên liệu nhờ bộ phận nào?

- A. Bơm chuyển nhiên liệu. **C. Bơm cao áp**

B. Bầu lọc

D. Vòi phun

Câu 22: trong hệ thống phun xăng điện tử, hòa khí được tạo ra ở đâu?

A. Trong xi lanh.

C. Bộ chế hòa khí

B. Đường ống nạp.

D. Bộ điều khiển phun

Câu 23: Ma-nhê-tô của hệ thống đánh lửa điện tử không tiếp điểm đóng vai trò như:

A. Máy phát điện xoay chiều

B. Máy phát điện một chiều

C. Máy biến áp

D. Phương án khác

Câu 24. Loại hệ thống khởi động nào trong ĐCĐT không có :

A. Khởi động bằng sức nước.

B. Khởi động bằng động cơ phụ.

C. Khởi động bằng động cơ điện.

D. Khởi động bằng tay.

Câu 25. Nêu sơ đồ ứng dụng của động cơ đốt trong:

A. Động cơ đốt trong , hệ thống truyền lực, máy công tác.

B. Hệ thống truyền lực, máy công tác, động cơ đốt trong.

C. Hệ thống truyền lực, động cơ đốt trong, máy công tác.

D. Hệ thống truyền lực, máy công tác, bánh xe.

Câu 26. Động cơ đốt trong có thể đặt ở vị trí nào trên ô tô?

A. Đặt ở đầu xe.

C. Đặt ở giữa xe.

B. Đặt ở đuôi xe

D. Đặt ở đầu xe, đuôi xe hoặc giữa xe.

Câu 27. Trong hệ thống truyền lực trên ô tô, lực được truyền từ động cơ đến bánh xe chủ động theo trình tự nào?

A. Động cơ → Hộp số → Ly hợp → Truyền lực các đăng → Truyền lực chính và bộ vi sai.

B. Động cơ → Ly hợp → Hộp số → Truyền lực các đăng → Truyền lực chính và bộ vi sai → Bánh xe.

C. Động cơ → Hộp số → Ly hợp → Truyền lực các đăng → Truyền lực chính và bộ vi sai → Bánh xe.

Động cơ → Ly hợp → Hộp số → Truyền lực các đăng → Truyền lực chính và bộ vi sai.

Câu 28. Động cơ đốt trong ở xe máy động cơ thường được bố trí ở đâu?

A. Đặt ở đầu xe

B. Đặt ở giữa xe

C. Đặt ở đuôi xe.

D. Đặt ở giữa xe và lệch về đuôi xe

II. Tự luận

Câu 1. Vẽ sơ đồ khối thể hiện nguyên lí làm việc của hệ thống bôi trơn kiểu tuần hoàn cưỡng bức và chỉ ra trường hợp làm việc bình thường của hệ thống bôi trơn.

Câu 2: Nguyên nhân nào khiến dầu bôi trơn bị nóng lên.

Câu 3: Năm 2019 Chị Q có mua một chiếc xe mới loại Honda Lead . Nhân viên bán hàng hướng dẫn lịch thay dầu bôi trơn (nhớt) định kì như sau:

- Lần 1: Sau khi chạy được 500km đầu tiên.

- Lần 2, 3, 4,... Sau khi chạy được từ 1000 km đến 1500 km tính từ lúc thay dầu bôi trơn.

- Với kiến thức đã học em hãy đóng vai trò nhân viên bán hàng để giúp chị L hiểu rõ tầm quan trọng của các lần thay dầu bôi trơn định kì (nhớt) định kì?

